

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2026
V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 –ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung
Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Đức
- Bà Lê Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 11 –Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Tâm –Kiểm sát viên.

Ngày 23/04/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 –Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2026 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 07/2026/TB ngày 20/04/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tài N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố N, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Ông Đặng Đồng T, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tài N trình bày: Bà N và ông Tinh tự N1 tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 2024. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm nên ông T thường xuyên đánh đập, chửi bới và đe dọa bà N. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vào tháng 11/2025, ông T chặn đường đánh bà N phải nhập viện điều trị thương tích, đập phá tài sản nên bà N có báo cáo công an phường T. Hai bên không còn chung sống cùng nhau vào tháng 10/2025. Bà N xét thấy tình cảm bị rạn nứt không thể hàn gắn nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Đồng Gia B, sinh ngày 18/5/2024. Bà N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, bị đơn ông **Đặng Đồng T** trình bày: Ông **T** và bà **N** kết hôn tự nguyện vào năm 2024 tại **UBND phường B**. Quá trình chung sống thường xuyên kinh cãi do tiền bạc. Từ tháng 10/2025 vợ chồng bắt đầu sống ly thân và tiếp tục mâu thuẫn do bà **N** tẩu tán tài sản tại câu lạc bộ **Nhân N2**. Nên ông **T** chặn đường để hỏi lý do và đập phá xe máy của bà **N**. Vụ việc đang được **công an phường T**. Tháng 03/2026, **công an phường B** tiếp tục mời lên làm việc liên quan đến mâu thuẫn giữa ông **T** và ông **B1** (cha bà **N**) vì cha mẹ bà **N** không cho ông **T** vào nhà thăm con. Nay ông **T** không còn tình cảm với bà **N**, đồng ý ly hôn với điều kiện bà **N** hủy đơn khởi kiện này và ghi không có nợ ai thì ông **T** sẵn sàng ký đơn ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên **Đặng Đồng Gia B**, sinh ngày 18/5/2024. Ông **T** đồng ý giao con cho bà **N** nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Nợ: không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tòa án nhân dân khu vực 11 –Đắk Lắk đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 16/3/2026. Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nhưng ngày 17/3/2026, bị đơn ông **T** thay đổi ý kiến về nội dung thỏa thuận ngày 16/3/2026.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 –Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị Tài N**; Về con chung: Giao cho bà **Nguyễn Thị Tài N** nuôi dưỡng con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn không yêu cầu nên không xét; Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: nguyên đơn, bị đơn trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Tài N** và ông **Đặng Đồng T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên bà **N** kiên quyết ly hôn nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và tinh thần của bà **N** kể cả gia đình bà **N**. Xét thấy: Hai bên đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, dẫn đến ông **T** có hành vi đánh bà **N**, phải điều trị tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh P** và đập phá tài sản của bà **N** được chính quyền **công an phường T** đang thụ lý giải quyết. Theo công văn số 479/CAP-PCTP ngày 19/3/2026 về việc trao đổi thông tin giải quyết vụ việc mâu thuẫn của **công an phường T** gửi **công an phường B** có nội dung “Hiện nay **công an phường T** đang thụ lý giải quyết việc anh **T** đánh chị **N** và đập phá tài sản của chị **N**. Ngày 05/3/2026, ông **T** có đến nơi làm

việc của bà **N** tại **B T, phường T** có hành vi la ó lớn tiếng, ảnh hưởng đến công việc của bà **N**". Như vậy mâu thuẫn giữa bà **N** và ông **T** là có thật. Theo quy định tại Điều 19 Luật HNGĐ năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...". Nhưng giữa bà **N**, ông **T** đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tiếng nói chung, tình cảm hai bên đã rạn nứt không thể hàn gắn. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Tài N**.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên **Đặng Đồng Gia B**, sinh ngày 18/5/2024. Bà **N**, ông **T** thống nhất giao con cho bà **N** nuôi dưỡng (hiện tại con chung đang ở với bà **N**). Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Tài N** phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà **Nguyễn Thị Tài N** được ly hôn với ông **Đặng Đồng T**.

Về con chung: Giao cho bà **Nguyễn Thị Tài N** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung **Đặng Đồng Gia B**, sinh ngày 18/5/2024 (hiện tại con đang ở với bà **N**).

Người không trực tiếp nuôi con ông **Đặng Đồng T** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xét

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Tài N** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0005799 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Người TGT;
- VKSND khu vực 11;
- Thi hành án dân sự t.Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Hoa Dung

Xử cho chị Phạm Thanh H ã được ly hôn anh **Nguyễn Đ** C. 2. Về con chung: Chị Phạm Thanh H và anh **Nguyễn Đ** C không có con chung nên không ã đặt ra giải quyết. 3. Về tài sản: Không ã đặt ra giải quyết. 4. Về án phí: Chị Phạm Thanh H phải nộp 200.000 ã đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 200.000 ã đồng chị H nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006293 ngày 26/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền án phí. Các ã đương sự ã được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nơi nhận: - VKSND thành phố Thái Bình; - Cơ quan thực hiện việc ã đăng ký kết hôn (UBND phường T, TP. Thái Bình); - Các ã đương sự; - Lưu: Hồ sơ, VP. TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA (ã ký) Lê Kiên Trung

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 51, 56 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Bích Hương được ly hôn với bị đơn Tạ Quang Hùng.

Về con chung: Giao con chung Tạ Gia Phúc, sinh ngày 04/8/2013 cho nguyên đơn được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành là 605.000 đồng/tháng cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Trần Thị Bích Hương phải chịu 200.000 đồng án phí HNGĐ nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí ã nộp tại phiếu thu số 0001594 ngày 09/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, bị đơn Tạ Quang Hùng phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà